

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12-02-2018

V/v: “Ly hôn, con chung giữa
chị T và anh P”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tiến Sử

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- NgU đơn: Chị Vương Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm 19, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 19, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành hình phạt tại trại giam Nam Hà, ở xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

(Vắng mặt chị Vương Thị T, anh Phạm Văn P có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, ngU đơn chị Vương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị T kết hôn với anh Phạm Văn P trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 20-7-2005 tại UBND xã Trực Thắng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị T và anh P chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ chị T ở xóm 19, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, chị T làm công việc tự do kinh doanh buôn bán, còn anh P đi lái máy

súc. Do tìm hiểu chưa kỹ nên khi về chung sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, anh P không lo tu trí làm ăn mà ham chơi cờ bạc, rượu chè nên vợ chồng thường xU xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau. Năm 2010 chị T đưa con đến tỉnh Lào Cai sinh sống và buôn bán làm ăn còn anh P làm ở quê, vợ chồng sống ly thân từ đó. Ngày 22-02-2013 anh P bị Công an bắt giam sau đó bị Tòa án xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà. Nay chị T xét thấy tình cảm giữa chị và anh P không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có tương lai, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng nên chị T vẫn giữ ngU ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Bị đơn anh Phạm Văn P trình bày: Về thời gian kết hôn đúng như chị Vương Thị T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh P bị Công an huyện Hải Hậu bắt về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xử phạt 7 năm 6 tháng tù. Hiện nay anh P đang chấp hành án tại đội 31 phân trại I trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam, thời hạn chấp hành hình phạt của anh P còn lại khoảng 2 năm. Nay chị T xin ly hôn, anh P không đồng ý ly hôn vào thời điểm này, anh P đề nghị để khi anh chấp hành xong hình phạt về địa phương sẽ giải quyết về việc chị T xin ly hôn.

Về quan hệ nuôi con: Chị Vương Thị T và anh Phạm Văn P đều trình bày thống nhất. Vợ chồng anh, chị có một con chung cháu tên là Phạm Thị Bảo U, sinh ngày 19-01-2006, hiện nay cháu đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi dưỡng chăm sóc con chung, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị mà để sau này anh P đi cải tạo về tự nguyện đi lại thăm nom, chăm sóc con. Do anh P không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Chị Vương Thị T và anh Phạm Văn P đều trình bày thống nhất hiện nay vợ chồng anh, chị không có tài sản gì chung. Vợ chồng anh, chị không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ. Tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng.

Tại phiên toà hôm nay, chị Vương Thị T xin được vắng mặt, anh Phạm Văn P đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam nên vắng mặt có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn P đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, anh P đã có bản tự khai. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại trụ sở trại giam Nam Hà ở ở xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Do hiện nay anh P

đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà nên anh không thể đến tham gia phiên tòa được. Chị Vương Thị T xin được vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P, chị T.

[2] Chị Vương Thị T và anh Phạm Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 20-7-2005 tại UBND xã Trục Thắng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Vương Thị T và anh Phạm Văn P là có thật. NgU nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, vợ chồng có xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, anh P vi phạm pháp luật đang phải đi cải tạo tại trại giam Nam Hà, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau từ ngày 22-02-2013 cho đến nay được gần 5 năm.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vương Thị T và anh Phạm Văn P là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Vương Thị T và anh Phạm Văn P có một con chung cháu Phạm Thị Bảo U, sinh ngày 19-01-2006, hiện nay cháu đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi dưỡng chăm sóc con chung, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị và theo nguyện vọng của cháu U cũng muốn được ở với chị T. Anh Phạm Văn P không có ý kiến gì trình bày về con chung. Xét yêu cầu của chị T về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì thấy hiện nay anh P đang đi chấp hành án tại trại giam Nam Hà, không có điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con chung, cháu U đang ăn học ổn định và quen với môi trường sống nên khi ly hôn cần giao U cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị Vương Thị T và anh Phạm Văn P đều trình bày, vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng. Khi giải quyết ly hôn về quan hệ chia tài sản chung và công nợ của chị T, anh P không có gì nên Tòa án không cần đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vương Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vương Thị T và anh Phạm Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Bảo U, sinh ngày 19-01-2006 cho chị Vương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Phạm Văn P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vương Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002374 ngày 18-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị Vương Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi :

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Hải Anh: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

Lại Văn Tùng